

Bản án số: 137/2021/HS-ST

Ngày: 10-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Vượng

2. Ông Nguyễn Văn Quang

*- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2021/TLST-HS ngày 13/10/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2021/QĐXXST-HS ngày 27/10/2021 đối với bị cáo:

**Phạm Thị T**, sinh ngày 26/5/1962 tại huyện S, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn C, xã SN, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/10; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1939 và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1937 (đều đã chết); Có chồng Trần Quang M, sinh năm 1960 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1996; Anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là thứ nhất; tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/8/2021 đến ngày 03/9/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

*\* Những người làm chứng:*

1. Viên Thị L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã SN, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

2. Quàng Thị V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Đội 1, xã S huyện Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt).

3. Nguyễn Bá D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn T, xã TT, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

4. Trần Duy H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn N, xã TĐ, huyện S, tỉnh T (Văng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2021, Viên Thị L, Quàng Thị V (lấy tên là H) đã gặp và nói chuyện riêng với Phạm Thị T (là người được ủy quyền quản lý, kinh doanh cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú NP (nhà nghỉ NP) thuộc thôn C, xã SN, huyện S về việc nếu có khách là nam giới đến nhà nghỉ NP hỏi mua dâm thì T gọi điện cho L, V để bán dâm. Chủ sở hữu nhà nghỉ NP là Trần Thị P (sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã S) không biết việc T chứa mại dâm). T đồng ý và lưu số điện thoại của L, V vào danh bạ điện thoại. Thống nhất khi có khách mua dâm, T thu tiền của khách và trả tiền bán dâm cho L, V 200.000 đồng/ 01 người/ 01 lần bán dâm. Số tiền còn lại là của T được hưởng.

Khoảng 13 giờ ngày 29/8/2021, Nguyễn Bá D và Trần Duy H (là người quen) rủ nhau đến nhà nghỉ NP mua dâm. Khi đến nhà nghỉ NP, H hỏi T “Có gái không” ý hỏi có gái bán dâm không? T nói “Có” và bảo D, H chờ. T thu tiền của H, D mỗi người 300.000 đồng (trong đó D đưa cho T 300.000 đồng; H đưa cho T 500.000 đồng, Thơm trả lại H 200.000 đồng) rồi bảo H vào phòng 106, D vào phòng 107 đợi người đến bán dâm. Sau đó, T gọi điện cho V đến, đưa cho V 01 bao cao su bảo vào phòng 107 bán dâm cho D. Do trước đó, L cũng đã ở trong phòng nghỉ của nhà nghỉ NP nên khi L đi ra ngoài T bảo L “Có khách đấy, có đi không”, L bảo “có”. Thơm đưa cho L 01 bao cao su bảo vào phòng 106 bán dâm cho H.

Đến 13 giờ 40 phút cùng ngày, tổ công tác của Công an huyện Sơn Dương kiểm tra nhà nghỉ NP. Phát hiện tại phòng 106, Viên Thị L có hành vi bán dâm cho Trần Duy H, thu giữ 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách có chữ “condom”; Tại phòng 107, Quàng Thị V có hành vi bán dâm cho Nguyễn Bá D, thu giữ 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách có chữ “condom”, 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 105/CT-VKSSD ngày 13/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố Phạm Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố Phạm Thị T phạm tội "Chứa mại dâm".
- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Thị T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xác định do dịch bệnh Covid - 19 dẫn đến nhà nghỉ do bị cáo quản lý kinh doanh không có lãi nên khi L, V đặt vấn đề với bị cáo về việc nếu có khách mua dâm thì gọi cho L, V đến nhà nghỉ bán dâm thì bị cáo đã nhất trí. Ngày 29/8/2021 thì H, D đến, H đứng ra thỏa thuận trao đổi với bị cáo về việc gọi gái bán dâm, sau khi thỏa thuận xong thì bị cáo thu của mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và gọi L, V để bán dâm. Khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị công an phát hiện bắt giữ. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1]. Về việc xem xét hành vi của Phạm Thị Thom.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và là môi trường lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác. Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng địa điểm là cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú do mình được ủy quyền quản lý để hoạt động mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi “Chứa mại dâm” của Phạm Thị T được chứng minh bằng lời khai nhận tội của chính bị cáo, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/8/2021, tại cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú NP (nhà nghỉ NP) thuộc thôn C, xã SN, huyện S, Phạm Thị T đã có hành vi chứa mại dâm, thu lợi bất chính 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

*[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Có bố đẻ là ông Phạm Văn H được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có chồng là ông Trần Quang M có thời gian (từ năm 1979 đến năm 1981) tham gia quân ngũ, hiện đang là Hội viên Hội Cựu chiến binh của thôn Q, xã S, huyện S. Bị cáo có đơn đề nghị được cải tạo tại địa phương và giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

*[3]. Về việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo.*

- Hình phạt chính: Xét toàn diện căn cứ để quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: tuy hành vi phạm tội của bị cáo T là nghiêm trọng nhưng bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo đã giảm đi đáng kể Bị cáo có đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương về việc luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; Xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (Án treo) theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội mà vẫn thể hiện tính khoan hồng của Pháp luật xã hội chủ nghĩa, đảm bảo mục đích trừng trị người phạm tội và giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của xã hội, ngăn ngừa và chống tội phạm chung. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo Phạm Thị T được hưởng án treo với mức án trong phạm vi đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, hiện tại đã gần 60 tuổi (hơn 59 năm 05 tháng tuổi), không có tài sản riêng có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

*[4]. Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.*

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

*[5]. Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án và các vấn đề khác.*

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su có chữ “condom” đã bị xé rách và 600.000 đồng của Phạm Thị T. HĐXX xét thấy đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su đã bị xé rách là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 600.000 đồng là tiền bị cáo T thu lời bất chính nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Bá D, Trần Duy H và hành vi bán dâm của Viên Thị L, Quảng Thị V, Công an huyện Sơn Dương Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 106; 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:*

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

#### **1. Về hình phạt:**

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10-11-2021).

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã SN, huyện S, tỉnh T nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.*

#### **2. Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi Cục thi hành án huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương (*Theo công văn số 635/CV-CQCSĐT ngày 13/10/2021 của công an huyện Sơn Dương*).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu trắng có chữ “Condom” bị xé rách được để trong bì thư dán kín, mặt trước ghi “phòng 107”, mặt sau có chữ ký xác nhận của Quàng Thị V và Nguyễn Bá D; 01 vỏ bao cao su màu trắng có chữ “Condom” bị xé rách được để trong bì thư dán kín, mặt trước ghi “phòng 106”, mặt sau có chữ ký xác nhận của Viên Thị L và Trần Duy H (*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương lập ngày 13/10/2021*).

### **3. Về án phí và quyền kháng cáo:**

- Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10-11-2021).

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang.
- CQCSĐT CA huyện Sơn Dương;
- CQTHAHS CA huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Sơn Dương;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Vượng - Nguyễn Văn Quang**

**Phạm Thị Thùy Trâm**











